|  |  |
| --- | --- |
| **Trường: TH&THCS Lộc Thạnh**  **Tổ: Tự nhiên** | Họ và tên giáo viên: Lê Thị Bảo Phụng |

**Tuần: 36 Ngày soạn: 6/05/2023**

**Tiết: 131,132 Ngày dạy: 11/05/2022**

**TÊN BÀI DẠY**

**KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II**

Môn học: KHTN - Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 02 tiết

**I/ MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức.**

-Đánh giá việc tiếp thu kiến thức cơ bản của học sinh từ tiết 69 đến tiết 129

**2 Kĩ năng**.

-Hs có kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học vào làm bài kiểm tra .

**3.Thái độ.**

-Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, thái độ trung thực của hs.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Giáo viên:**

- Đề kiểm tra: hình thức đề kiểm tra kết hợp TNKQ và Tự luận (50% TNKQ, 50% TL)

**2.Học sinh:**

- Chuẩn bị kiến thức để làm bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II KHTN 6**

**KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**CHÍNH THỨC**

**a) Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra cuối học kì II (Từ bài 19 đến bài 43. )*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- **Cấu trúc:**

+ Mức độ đề: 47,5% Nhận biết; 32,5% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 0% Vận dụng cao

+ Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm, gồm 20 câu ở hai mức độ nhận biết và thông hiểu

+ Phần tự luận: 5,0 điểm (Nhận biết: 1,5 điểm; Thông hiểu 1,5 điểm; Vận dụng 2 điểm; Vận dụng cao:0điểm)

Nội dung nửa đầu kì 2: (2,5điểm**) (25%)**

Nội dung nửa sau kì 2: (7,5 điểm) **(75%)**

1. **MA TRẬN**

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| 1. *Đa dạng thế giới sống* |  | **3(0,75)** |  | **3(0,75)** |  |  |  |  | *0* | *6* | 1,5 |
| 2. Chủ đề 9: Lực (15 tiết) |  | **3(0,75đ)** |  | 1(0,25đ) |  |  |  |  | 0 | 4 | 1 |
| 3. Chủ đề 10: Năng lượng và cuộc sống (10 tiết) | 2(1,5đ) | **6(1,5đ)** | 1(1,5đ) | **2(0,5đ)** | 1(0,5đ) |  |  |  | 4 | 8 | 5,5 |
| 4. Chủ đề 11: Trái đất và bầu trời ( 2 tiết) |  | **1(0,25đ)** |  | **1(0,25đ)** | 1(1,5đ) |  |  |  | 1 | 2 | 2 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Số câu** | **2** | **13** | **1** | **7** | **2** | **0** | **0** | **0** | 5 | 20 | 25 |
| **Điểm số** | **1,5** | **3,25** | **1,5** | **1,75** | **2** | **0** | **0** | **0** | **5** | **5** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,75 điểm** | | **3,25 điểm** | | **2,0 điểm** | | **0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**2. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT.**

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2 MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu(ý) TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TL**  **Số câu (ý)** | **TN**  **(Số câu)** | **TL** | **TN** |
|  |  | ***Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống (25 tiết)*** | 3 | 12 |  |  |
| **Nguyên sinh vật** | **Nhận biết** | - Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...).  - Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.  - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. |  |  |  |  |
| **Đặc điểm của nấm:**  - Sự đa dạng của nấm.  - Vai trò của nấm.  - Một số bệnh do nấm gây ra. | **Nhận biết** | - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra.  - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.  - Nêu được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. |  | 2 |  | C1,C2 |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...).   * Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ... |  |  |  |  |
| **Đa dạng thực vật:**  - Sự đa dạng.  - Thực hành. | **Nhận biết** | - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). |  | 1 |  | C3 |
| **Thông hiểu** | * Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). |  | 1 |  | C4 |
| **Vận dụng** | Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. |  |  |  |  |
| **Đa dạng động vật :**  - Sự đa dạng.  - Thực hành. | **Nhận biết** | - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.  - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.  - Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ. |  | 2 |  | C5,C6 |
| **Vận dụng** | - Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| **Vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên.** | **Nhận biết** | – Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường,...). |  |  |  |  |
| **Bảo vệ đa dạng sinh học** | **Vận dụng** | Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. |  |  |  |  |
| **9. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.** | **Vận dụng cao** | * Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. * Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...). * Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. * Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. * Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).   Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| ***Chủ đề 9: Lực (10 tiết)*** | | |  | 4 |  |  |
| **10. Lực và tác dụng của lực** | **Nhận biết** | - Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. |  |  |  |  |
| - Nêu được đơn vị lực đo lực. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ. |  | 1 |  | C9 |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. |  |  |  |  |
| - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực. |  |  |  |  |
| – Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. |  |  |  |  |
| - Kể tên được ba loại lực ma sát. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát nghỉ. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát lăn. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát trượt. |  | 1 |  | C8 |
| - Nêu được khái niệm về lực ma sát trượt (ma sát lăn, ma sát nghỉ). Cho ví dụ. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong môi trường (nước hoặc không khí). |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm về khối lượng. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm lực hấp dẫn. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm trọng lượng. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được khi nào lực đàn hồi xuất hiện. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được dụng cụ đo lực là lực kế. |  | 1 |  | C7 |
| - Lấy được một số ví dụ về vật có khả năng đàn hồi tốt, kém. |  |  |  |  |
| - Kể tên được một số ứng dụng của vật đàn hồi. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy. |  |  |  |  |
| Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế). |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. |  | 1 |  | C10 |
| - Chỉ ra được nguyên nhân gây ra lực ma sát. |  |  |  |  |
| - Phân biệt được lực ma sát nghỉ, lực ma sát trượt, lực ma sát lăn. |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được chiều của lực cản tác dụng lên vật chuyển động trong môi trường. |  |  |  |  |
| - Đọc và giải thích được số chỉ về trọng lượng, khối lượng ghi trên các nhãn hiệu của sản phẩm tên thị trường. |  |  |  |  |
| - Giải thích được một số hiện tượng thực tế liên quan đến lực hấp dẫn, trọng lực. |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được phương, chiều của lực đàn hồi khi vật chịu lực tác dụng. |  |  |  |  |
| - Chứng tỏ được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó. |  |  |  |  |
| Chỉ ra được tác dụng cản trở hay tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát nghỉ (trượt, lăn) trong trường hợp thực tế. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ thực tế và giải thích được khi vật chuyển động trong môi trường nào thì vật chịu tác dụng của lực cản môi trường đó. |  |  |  |  |
| -Xác định được trọng lượng của vật khi biết khối lượng của vật hoặc ngược lại |  |  |  |  |
| - Giải thích được một số hiện tượng thực tế về: nguyên nhân biến dạng của vật rắn; lò xo mất khả năng trở lại hình dạng ban đầu; ứng dụng của lực đàn hồi trong kĩ thuật. |  |  |  |  |
| 3. Chủ đề 10: Năng lượng và cuộc sống (10 tiết) | | | 4 | 8 |  |  |
| 3. Chủ đề 10: Năng lượng và cuộc sống (10 tiết) | **Nhận biết** | - Chỉ ra được một số hiện tượng trong tự nhiên hay một số ứng dụng khoa học kĩ thuật thể hiện năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực. |  |  |  |  |
| - Kể tên được một số nhiên liệu thường dùng trong thực tế. |  |  |  |  |
| - Kể tên được một số loại năng lượng. | 1 | 1 | C22 | C14 |
| - Chỉ ra được một số ví dụ trong thực tế về sự truyền năng lượng giữa các vật. |  | 3 |  | C12, C15, C17 |
| - Phát biểu được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng. | 1 |  | C21 |  |
| - Lấy được ví dụ về sự truyền năng lượng từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác thì năng lượng không được bảo toàn mà xuất hiện một năng lượng hao phí trong quá trình truyền và biến đổi. |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được một số ví dụ về sử dụng năng lượng tái tạo thường dùng trong thực tế. |  | 2 |  | C11, C16 |
| **Thông hiểu** | - Nêu được nhiên liệu là vật liệugiải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy. Lấy được ví dụ minh họa. |  |  |  |  |
| - Phân biệt được các dạng năng lượng. |  |  |  |  |
| - Chứng minh được năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực. |  |  |  |  |
| - Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh hoạ. |  |  |  |  |
| **-** Giải thích được các hiện tượng trong thực tế có sự chuyển hóa năng lượng chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. |  |  |  |  |
| - Nêu được sự truyền năng lượng từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác thì năng lượng không được bảo toàn mà xuất hiện một năng lượng hao phí trong quá trình truyền và biến đổi. Lấy được ví dụ thực tế. | 1 | 2 | C24 | C13, C18 |
| **Vận dụng** | - Giải thích được một số vật liệu trong thực tế có khả năng giải phóng năng lượng lớn, nhỏ. |  |  |  |  |
| - So sánh và phân tích được vật có năng lượng lớn sẽ có khả năng sinh ra lực tác dụng mạnh lên vật khác. |  |  |  |  |
| - Vận dụng được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng để giải thích một số hiện tượng trong tự nhiên và ứng dụng của định luật trong khoa học kĩ thuật. | 1 |  | C25 |  |
| - Lấy được ví dụ thực tế về ứng dụng trong kĩ thuật về sự truyền nhiệt và giải thích được. |  |  |  |  |
| - Đề xuất biện pháp và vận dụng thực tế việc sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. |  |  |  |  |
| 4. Chủ đề 11: Trái đất và bầu trời (5 tiết) | | | 1 | 2 |  |  |
| 4. Chủ đề 11: Trái đất và bầu trời (2 tiết) | **Nhận biết** | - Mô tả được quy luật chuyển động của Mặt Trời hằng ngày quan sát thấy. |  | 1 |  | C20 |
| **Thông hiểu** | - Giải thích được quy luật chuyển động mọc, lặn của Mặt Trời. |  | 1 |  | C19 |
| **Vận dụng** | - Giải thích quy luật chuyển động của Trái Đất, Mặt Trời, Mặt Trăng | 1 |  | C23 |  |

**3. Đề kiểm tra**

|  |
| --- |
| **ĐỀ CHÍNH THỨC** |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN LỘC NINH**  **Trường TH&THCS LỘC THẠNH**  Họ và tên:.................................  Lớp:.......................................... | **ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC 2022 – 2023**  **Môn: KHTN 6**  **Thời gian: 90 phút**  ***(Không kể thời gian giao đề)*** |

**I. TRẮC NGHIỆM: 5,0 điểm**

***Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng nhất***

**Câu 1:** **Quan sát hình ảnh dưới đây và cho biết tên loại nấm này là gì?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Nấm bào ngư.  B. Nấm rơm.  C. Nấm độc tán trắng.  D. Nấm men. |  |

**Câu 2: Quan sát hình ảnh dưới đây và cho biết tên loại nấm này là gì?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Nấm độc đỏ (nấm ruồi).  B. Nấm men.  C. Nấm độc tán trắng.  D. Nấm kim châm. | Ăn nấm kim châm có tốt không? | Vinmec |

**Câu 3: Thực vật được chia thành các ngành nào?**

A. Nấm, Dương xỉ, Rêu, Quyết.    B. Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín.

C. Hạt kín, Quyết, Hạt trần, Nấm.  D. Nấm, Rêu, Tảo và Hạt kín.

**Câu 4:** Cho các vai trò sau:

(1) Cung cấp thức ăn, nơi ở cho một số loài động vật

(2) Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người

(3) Cung cấp nguyên liệu, vật liệu cho các ngành sản xuất

(4) Cân bằng hàm lượng oxygen và carbon dioxide trong không khí

(5) Làm cảnh

(6) Chứa độc tố gây hại cho sức khỏe con người

**Đâu là những vai trò của thực vật trong đời sống?**

A. (1), (3), (5)  B. (2), (4), (6) C. (2), (3), (5) D. (1), (4), (6)

**Câu 5: Nhóm động vật nào dưới đây là Động vật không xương sống ?**

A. Cá chép, châu chấu, thỏ. B. Châu chấu, giun đất, nhện.

C. Bò, dê , thỏ. D. Tôm, cua, ghẹ.

**Câu 6: Nhóm động vật nào dưới đây là Động vật có xương sống ?**

A. Bò, dê , thỏ. B. Châu chấu, giun đất, nhện..

C. Cá chép, châu chấu, thỏ . D. Trai, sò,ốc.

**Câu 7.** Để đo Lực ta dùng dụng cụ nào?

A. Cân. B. Lực kế. C. Thước. D. nhiệt kế.

**Câu 8: Lực xuất hiện trong trường hợp nào sau đây là lực ma sát trượt?**

A. Em bé đang chạy trên sân. B. Cầu thủ đang đá quả bóng trên sân.

C. Một vận động viên đang trượt tuyết. D. Một vật đang rơi từ một độ cao.

**Câu 9: Trường hợp nào dưới đây, cho thấy vật bị thay đổi tốc độ?**

A. Ấn mạnh tay xuống đệm. B. Ngồi lên một cái yên xe.

C. Gió thổi làm buồm căng. D. Cầu thủ đá quả bóng vào lưới.

**Câu 10: Lực nào sau đây liên quan đến lực không tiếp xúc?**

A. Lực của quả cân tác dụng lên lò xo khi treo quả cân vào lò xo.

B. Lực của chân cầu thủ tác dụng lên quả bóng.

C. Lực cầm quyển sách.

D. Lực hấp dẫn giữa Trái Đất và Mặt Trăng.

**Câu 11.** Dạng năng lượng nào **không phải** năng lượng tái tạo?

A. Năng lượng khí đốt. B. Năng lượng gió.

C. Năng lượng thuỷ triều. D.Năng lượng mặt trời.

**Câu 12.** Trong các dụng cụ và thiết bị điện sau đây, thiết bị nào chủ yếu biến đổi điện năng thành nhiệt năng?

A. Máy quạt. B. Bàn là điện. C. Máy khoan. D. Máy bơm nước.

**Câu 13.** Những dạng năng lượng nào xuất hiện trong quá trình một khúc gỗ trượt có ma sát từ trên mặt phẳng nghiêng xuống?

A. Nhiệt năng, động năng và thế năng. B. Chỉ có nhiệt năng và động năng.

C. Chỉ có động năng và thế năng. D. Chỉ có động năng.

**Câu 14.** Trường hợp nào sau đây là biểu hiện của một vật có động năng?

A. Làm lạnh vật. B. Cho vật chuyển động.

C. Đun nóng vật. D. Chiếu sáng vật.

**Câu 15.** Khi quạt điện hoạt động thì có sự chuyển hóa

A. nhiệt năng thành điện năng. B. cơ năng thành điện năng.

C. điện năng thành cơ năng. D. nhiệt năng thành hóa năng.

**Câu 16.** Những nguồn năng lượng nào sau đây là năng lượng tái tạo?

A. Mặt Trời, gió. B. Dầu mỏ, khí tự nhiên.

C. Mặt Trời, khí tự nhiên. D. Than, xăng.

**Câu 17.** Dạng năng lượng nào đã chuyển hoá thành điện năng trong một chiếc đồng hồ điện tử chạy bằng pin?

A. Cơ năng. B. Nhiệt năng. C. Hoá năng. D. Quang năng.

**Câu 18: Cầu thủ đá quả bóng bay lên cao so với mặt đất. Hỏi tại độ cao bất kì quả bóng có những năng lượng nào?**

A. Thế năng đàn hồi và động năng.

B. Thế năng hấp dẫn và động năng.

C. Nhiệt năng và quang năng.

D. Năng lượng âm và hóa năng.

**Câu 19: Trái Đất có hiện tượng ngày và đêm luân phiên là do**

A. Mặt Trời mọc ở đằng đông, lặn ở đằng tây.

B. Trái Đất tự quay quanh trục của nó theo hướng từ tây sang đông.

C. Trái Đất tự quay quanh trục của nó theo hướng từ đông sang tây.

D. Mặt Trời chuyển động từ đông sang tây.

**Câu 20:** Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Mặt Trời mọc hướng tây, lặn hướng đông.

B. Mặt Trời mọc hướng đông, lặn hướng bắc.

C. Mặt Trời mọc hướng đông, lặn hướng nam.

D. Mặt Trời mọc hướng đông, lặn hướng tây.

**II. TỰ LUẬN: ( 5,0 điểm)**

**Câu 21:** (0,5đ) Phát biểu định luật bảo toàn năng lượng ?

**Câu 22:** (1,0).Hãy kể tên một số dạng năng lượng mà em đã học? Lấy một ví dụ về một đồ dùng có sự chuyển hóa năng lượng từ dạng này sang dạng khác?

**Câu 23:** (1,5đ). Quan sát hình sau và trả lời các câu hỏi sau:

A picture containing text, device

Description automatically generated

a. Trong số các vị trí M, N, P, Q thì ở những vị trí nào đang là ban ngày? Ở những vị trí nào đang là ban đêm? Vì sao?

b. Người ở vị trí nào trong hai vị trí M và N sẽ thấy Mặt Trời mọc trước? Vì sao?

c. Người ở vị trí nào trong hai vị trí P và Q sẽ thấy Mặt Trời lặn trước? Vì sao?

**Câu 24:** (1,5đ) Năng lượng được truyền từ vật này sang vật khác sẽ luôn xuất hiện năng lượng hao phí. Theo em những vật dụng như tủ lạnh, bàn ủi (bàn là), quạt điện thì năng lượng nào là năng lượng hao phí?

**Câu 25:** (0,5đ)Sử dụng đổng hồ đo điện đa năng để đo lượng điện năng tiêu thụ của một bóng đèn, đồng hồ chỉ 2,5 kW.h.Tuy nhiên, theo tính toán cho thấy bóng đèn chỉ tiêu thụ năng lượng là 2,4 kW.h. Theo em, định luật bảo toàn năng lượng có còn đúng trong trường hợp này không?

**……….HẾT………**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

1. **TRẮC NGHIỆM: 5 Đ.** *Mỗi câu trả lời đúng đạt 0,25 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1A | 2D | 3B | 4C | 5B | 6A | 7B | 8C | 9D | 10D |
| 11A | 12B | 13A | 14B | 15C | 16A | 17C | 18B | 19B | 20D |

**II. TỰ LUẬN: (5đ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 21(0,5đ) | Định luật bảo toàn năng lượng: Năng lượng không tự nhiên sinh ra hoặc tự nhiên mất đi, nó chỉ chuyển từ dạng này sang dạng khác hoặc truyền từ vật này sang vật khác. | 0,5đ |
| 22(1đ) | - Điện năng, quang năng, cơ năng, hóa năng, nhiệt năng…  Ví dụ: ấm siêu tốc: chuyển hóa năng lượng: Điện năng chuyển hóa thành nhiệt năng làm sôi nước. | 0,5 đ  0,5 đ |
| 23(1,5đ) | a.  - Ở các vị trí P, Q đang là ban ngày vì các vị trí này đang được Mặt Trời chiếu sáng.  - Ở các vị trí M và N đang là ban đêm vì các vị trí này lúc đó không được Mặt Trời chiếu sáng.  b. - Trong hai vị trí M và N, người đứng ở vị trí N sẽ thấy Mặt Trời mọc trước  - Giải thích: Khi Trái Đất quay quanh trục theo chiều từ tây sang đông, ánh sáng Mặt Trời sẽ chiếu tới N trước khi chiếu tới M.  c. - Trong hai vị trí P và Q, người đứng ở vị trí Q sẽ thấy Mặt Trời lặn trước.  - Giải thích: Vì khi Trái Đất quay quanh trục theo chiều từ tây sang đông, ánh sáng mặt trời chiếu tới Q sẽ khuất trước so với ánh sáng mặt trời chiếu tới P. | 0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ |
| 24(1,5đ) | -Năng lượng hao phí của tủ lạnh: tỏa nhiệt ở bên ngoài tủ lạnh, bóng đèn sáng của tủ lạnh,..  - Năng lượng hao phí của bàn ủi (bàn là): Bóng đèn sáng trên bàn ủi….  - Năng lượng hao phí của quạt điện là tỏa nhiệt ở bên ngoài động cơ | 0,5đ  0,5đ  0,5đ |
| 25 (0,5đ) | Trong trường hợp này vì ta chỉ tính toán năng lượng tiêu thụ trên bóng đèn, còn chưa tính đến năng lượng hao phí trên đường dây truỵền tải. Đồng hồ đã đo cả năng lượng tiêu thụ trên bóng đèn và năng lượng hao phí trên đường dây truyền tải. Do đó, định luật bảo toàn năng lượng vẫn đúng trong trường hợp này. | 0,5đ |